

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Dũng.
2. Ông Hoàng Văn Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2023/TLST - HNGĐ ngày 6 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05-02-2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư XY, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Tổ xxx, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh Mạc Anh D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu dân cư XX, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Mạc Anh D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 23-11-2018 tại UBND thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh

Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường An Lư, thị xã Kinh Môn). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại phường An Lư, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được một thời gian lên Hà Nội sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh D không chịu làm ăn kinh tế, ham mê cờ bạc nên nợ nần chồng chất. Chị đã nhiều lần cho cơ hội nhưng anh vẫn không chịu thay đổi. Anh D vẫn nhiều lần nói dối chị và tiếp tục chơi bời, không chịu tu chí làm ăn. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và tranh cãi. Tháng 6 năm 2021 chị đã dọn ra thuê nhà ở riêng. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay thỉnh thoảng liên lạc về những vấn đề liên quan đến con. Anh D nhiều lần mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý do anh đã nhiều lần nói dối làm mất niềm tin của chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mạc Minh A, sinh ngày 01-08-2020. Hiện nay cháu Minh A đang sống cùng và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đang làm việc tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Lâm Thành và làm thêm công việc khác bên ngoài. Tổng thu nhập mỗi tháng khoảng 16.000.000đ. Chị làm việc vào giờ hành chính, đi làm trong ngày nên có đủ thời gian để đưa đón, chăm sóc, và dạy dỗ con chung. Chị đang thuê nhà tại tổ 23, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chỗ ở ổn định để hai mẹ con cùng sinh sống. Cháu Minh A đang đi học tại trường mầm non MyKingDom tại Hà Nội. Xét thấy chị có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con nên chị đề nghị tòa án được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con với chị.

Anh Mạc Anh D đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lư, thị xã Kinh Môn: Anh D và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn vào ngày 23-11-2018. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh D tại số nhà 123, đường Trần Hưng Đạo, phường An Lư, thị xã Kinh Môn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể địa phương không biết. Anh D thỉnh thoảng có về nhà bố mẹ anh tại nhà phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn nhưng hiện anh D sống và làm việc ở đâu địa phương không biết. Chị N về nhà bố mẹ đẻ chị còn làm việc ở đâu địa phương không biết. Vợ chồng anh chị có 01 con chung hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Nay chị N xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Lư Thượng 1, phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn: Anh Mạc Anh D, chị Nguyễn Thị N, ông Mạc Văn Vương, bà Bùi Thị Xinh không đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư. Nhưng ông Vương, bà Xinh sinh sống và có nhà đất tại đây. Anh D thỉnh thoảng có về chung sống với ông bà vào các ngày nghỉ lễ, Tết. Còn chị N đưa con chung về chơi cùng với ông Vương,

bà Xinh không sinh sống tại đây. Về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của anh D, chị N địa phương không biết.

Biên bản xác minh với công an phường An Lưu, thị xã Kinh Môn: Anh Mạc Anh D, sinh ngày 12-5-1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hiện anh D không có mặt tại địa phương, anh D sinh sống và làm việc ở đâu địa phương không biết được

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 §104, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Mạc Anh D.

- Về con chung: Giao con chung Mạc Minh A, sinh ngày 01-08-2020 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh Mạc Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N, anh Mạc Anh D đã được tòa án triệu tập hợp lệ và chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh D đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Mạc Anh D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện đã ly thân từ năm 2021 không còn quan tâm đến nhau. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị không còn chung sống hòa thuận, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng chị N, anh D vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Mạc Minh A, sinh ngày 01-08-2020. Con chung vẫn do chị N nuôi dưỡng, chị N vẫn có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị N hiện có chỗ ở, làm việc giờ hành chính và thu nhập ổn định nên có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Minh A hiện học tập, sức khỏe phát triển bình thường. Xét thấy anh D không có quan điểm về việc nuôi con chung, chị N có đủ điều kiện về thời gian, điều kiện về vật chất đảm bảo sự phát triển lâu dài cho cháu Minh A nên giao con cho chị N là phù hợp định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Chị N và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, §100 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Mạc Anh D.

- Về con chung: Giao con chung Mạc Minh A, sinh ngày 01-08-2020 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Anh Mạc Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000010 ngày 5-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Mạc Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Lưu, TX Kinh Môn ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Hằng